TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HS-ST
Ngày: 29-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên.

Ông Đặng Văn Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/6/1964 tại xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn C, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Số thẻ CCCD: 038064028918; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị A và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giam từ ngày 15/3/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 30/10/1989 tại xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn C, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Số thẻ CCCD: 038089036316; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị A; Có vợ là Trần Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024, đến ngày 14/3/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 28/12/1992 tại xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn C, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Số thẻ CCCD:

038092007914; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị A; Có vợ là Lưu Thị T và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: Ngày 16/6/2023, bị Công an huyện Hà Trung xử phạt 6.500.000đ về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác" (ngày 16/6/2023 chấp hành xong); Tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024, đến ngày 14/3/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

4. Phạm Văn Q, sinh ngày 20/10/1985 tại xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Số thẻ CCCD: 038085034575; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc P và bà Phùng Thị C; Có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/6/2024 đến nay. Có mặt.

5. Trần Văn C, sinh ngày 07/5/1975 tại xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Số thẻ CCCD: 038075006074; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trần Thị N; Có vợ là Đỗ Thị H và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; Tiền sự: Không; Tiền án 02: Ngày 02/6/2019, bị Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 20.000.000 đồng về tội đánh bạc (ngày 13/3/2024 chấp hành xong); Ngày 09/8/2022, bị Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội "Đánh Bạc" (ngày 05/5/2023 chấp hành xong án phạt tù). Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Trần Văn C, sinh ngày 07/5/1975; Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Tống Văn Q, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Tống Văn N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt

3. Anh Lê văn T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn N, xã Hà B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

5. Anh Trần Tiến D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: xã T, thị xã S, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09h00’ ngày 22/02/2024, anh Tống Văn Q, sinh năm 1977, trú tại thôn Trạng Sơn, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cùng với anh Tống Văn N, sinh năm 1973, trú tại thôn Đà Sơn, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung và Trần Văn C đến nhà Nguyễn Văn T1 ở thôn Hòa Thuận, xã Hà Giang, huyện Hà Trung chơi. Đến nơi, anh Q, anh N, C ngồi uống nước, nói chuyện với T1 rồi rủ nhau lên phòng chứa đồ tầng hai nhà T1 đánh bạc. Quá trình chơi, lần lượt có thêm các anh Trần Tiến D, sinh năm 1991, trú tại thôn Chánh Lộc, xã Hà Giang, huyện Hà Trung; Phạm Văn Q cùng Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 tham gia chơi. Ngoài ra, có anh Lê Văn T, sinh năm 1989 trú tại thôn Song Nga, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung đến ngồi ngoài xem. Các đối tượng đánh bạc dưới hình thức chơi bài liêng, thắng thua bằng tiền, cách thức chơi như sau: Người cầm cái sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người chơi ba quân bài. Sau khi nhận bài thì người chơi tham gia “tố” (đặt cược thêm tiền) hoặc úp bài (bỏ bài nhận thua), số tiền đặt cược mỗi ván chơi tối thiểu là 10.000 đồng. Ai đặt số tiền lớn nhất mà không có người đặt bằng thì người đặt tiền lớn nhất được ăn hết số tiền cược trong ván đó. Trường hợp, có từ hai người trở lên đặt số tiền bằng nhau thì cùng mở bài để so sánh, người chơi có bộ điểm bài lớn nhất sẽ thắng và được nhận toàn bộ số tiền cược. Thứ tự bộ bài từ lớn đến bé là: “Sáp” (03 lá bài cùng quân, ví dụ: 222); “Liêng” (ba quân bài liên tiếp nhau, ví dụ: 8, 9, 10); “Đĩ” (ba quân bài có hình người, ví dụ: K, K, Q); cuối cùng là tính điểm, điểm cao nhất là 9, thấp nhất là 0 trong đó các quân bài 10, J, Q, K được tính bằng 0 điểm (tổng ba quân bài cộng lại lấy số hàng đơn vị). Khi so bộ bài ai có số điểm bằng nhau thì những người này sẽ tiếp tục chơi thêm ván tiếp theo để phân định thắng thua, ván bài này gọi là “chào”, ở ván “chào” mọi người có thể tiếp tục cược thêm tiền, tối đa là 50.000 đồng. Người chơi thắng ở ván “chào” sẽ là người cầm cái ở ván chơi tiếp theo. Trong đó, Nguyễn Văn T1, Trần Văn C, Trần Tiến D và Tống Văn Q quá trình đánh bạc không tham gia chơi “tố” và chơi ván “chào”. Về số tiền dùng đánh bạc: Nguyễn Văn T1 sử dụng 170.000 đồng, Nguyễn Văn T2 sử dụng 170.000 đồng, Nguyễn Văn T3 sử dụng 115.000 đồng, anh Tống Văn Q sử dụng 170.000 đồng, anh Tống Văn N sử dụng 300.000 đồng, anh Trần Tiến D sử dụng 130.000 đồng, Phạm Văn Q sử dụng 100.000 đồng, Trần Văn C sử dụng 200.000 đồng.

Trong lúc đánh bạc, Phạm Văn Q phát hiện có người chơi gian lận nên thông báo cho tất cả mọi người trong chiếu bạc biết. Nghe vậy, T1 liền chỉ tay vào C nói “chỉ có thằng này”, rồi dùng chân tay và vợt muỗi ở trong phòng đánh vào mặt và đầu C, vừa đánh T1 vừa chửi bới, yêu cầu C bỏ tiền ra. Lúc này, T3 và T2 cũng xông lại dùng chân tay cùng với T1 đánh C, thấy vậy mọi người liền can ngăn. Sau đó, T1 cởi áo (cởi trần) chạy xuống dưới tầng một lấy một con dao phay và một con dao bầu chạy lên định đánh C nhưng đến cầu thang thì mọi người can ngăn, giằng dao ra, T3 cũng chạy xuống tầng một lấy con dao cán màu đen (dạng dao gọt hoa quả) lên để dọa C nhưng không sử dụng và đem lại chỗ cũ. Sau khi được mọi người can ngăn, T1, T3 và T2 vẫn hung hăng chửi bới, yêu cầu C phải móc hết tiền của mình ra, đồng thời tiếp tục dùng chân tay đánh C, dồn về phía góc phòng. Trong lúc đánh nhau, chiếc ví của C bị rơi xuống nền nhà, T1 nhặt lên lấy hết tiền rồi ném chiếc ví xuống nền nhà thì C nói “tiền đấy là tiền lấy hàng”, C nhặt chiếc ví cất vào trong người, lúc này anh D vừa đi xuống cầu thang vừa gọi điện thoại cho đồng chí Nguyễn Đình H, Phó Trưởng Công an xã Hà Giang trình báo về sự việc đánh nhau tại nhà T1, rồi đi về nhà còn mọi người cũng đi xuống tầng một nhà T1.

Khi xuống tầng một, T1 cho rằng anh N đồng lõa với C nên T1 cầm ấm pha trà dí vào đầu anh N. Sau đó, T1 tiếp tục lấy hòn đá mài và điếu cày dọa đánh C nhưng được mọi người can ngăn. Lúc này, anh T, anh Q và Q đi về trước, trong nhà còn T1, T3, T2, anh N và C thì đồng chí Nguyễn Đình H mặc trang phục Công an đến nhà T1 kiểm tra, xác minh. Khi đến cổng nhà T1, đồng C H gặp Q đang đi về nên gọi quay lại. Lúc này, N đang ở trong nhà thấy có Công an đến nên trốn vào phòng ngủ tầng một, C chạy lên tầng hai nhà T1, ra ban công rồi tự nhảy xuống lối đi bên hông nhà T1 dẫn đến bị gãy hai chân. Đồng chí H và Q đi vào trong nhà gặp T1, T3, T2 và bà Ất (vợ T1). Tại đây, đồng chí H hỏi mọi người có sự việc đánh nhau hay không thì T1 nói không có gì, mọi người đi về hết rồi. Sau khi xác minh sơ bộ, không phát hiện thấy vụ việc đánh nhau nên đồng chí H đi về. Trên đường về, đồng chí H gặp anh D, đồng chí H tiếp tục hỏi anh D về sự việc xảy ra ở nhà T1 có ai bị thương không thì anh D nói không có ai bị thương nên đồng chí H đi về trụ sở Công an xã, còn anh D đi xe máy một mình quay lại nhà T1.

Khi anh D quay lại nhà T1 thì gặp T1, T2, T3, Q và anh N, mọi người cùng nhau ngồi uống nước ở bàn cạnh hè tầng một. Lúc này, T1 mang số tiền lấy được của C trước đó ra, đếm trước mặt mọi người được 9.600.000 đồng. Sau đó, T1 chia cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng, T3 số tiền 3.200.000 đồng, T2 số tiền 3.500.000 đồng, còn số tiền 900.000 đồng T1 cầm. Dù biết rõ đây là tiền T1 vừa lấy của C nhưng Q vẫn nhận số tiền 2.000.000 đồng do T1 đưa. Một lúc sau, C gọi điện thoại cho anh D nói bị ngã gãy chân ngồi ở phía sau nhà T1 thì mọi người ra và đưa C đi Bệnh viện điều trị vết thương. Đến ngày 04/03/2024, C làm đơn tố cáo hành vi cướp tài sản, cố ý gây thương tích của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2.

* Tại Bản kết luận giám định số 3861/KL-KTHS ngày 29/5/2024 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận:

1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

- Sẹo vùng gò má trái, kích thước nhỏ: 03 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo (vết thương + phẫu thuật) mặt trước - trong 1/2 cẳng chân pH, kích thước trung bình: 02 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật mặt trước 1/3 dưới cẳng chân phải, kích thước trung bình: 02 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- 03 sẹo do khung cố định ngoài mặt trước 1/2 trên cẳng chân phải, kích thước nhỏ: mỗi sẹo 01 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo do khung cố định ngoài mặt trước - trong cổ chân phải, kích thước nhỏ: 01 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.1, Chương 8).

- 02 sẹo phẫu thuật gót chân phải, kích thước nhỏ: mỗi sẹo 01 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.1, Chương 8).

- 02 sẹo phẫu thuật gót chân trái, kích thước nhỏ: mỗi sẹo 01 % (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.1, Chương 8).

- Gãy hai xương cẳng chân phải, đang can, không ngắn chi, còn phương tiện kết xương chày phải, xương mắc gãy xoắn vặn: 16 % (áp dụng Mục VIII.13.1, Chương 7).

- Gãy xương gót hai bên, đang can: mỗi bên 06 % (áp dụng Mục IX.9.1, Chương 7).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trần Văn C tại thời điểm giám định là: 36% (ba mươi sáu phần trăm).

2. Cơ chế hình thành thương tích.

- Tổn thương vùng gò má trái của anh Trần Văn C do vật tày gây nên.

- Tổn thương cẳng - bàn chân hai bên do lực gián tiếp ở tư thế hai chân tiếp đất cao và sức nặng của cơ thể gây ra.

Quá trình điều tra xác định thương tích của Trần Văn C ở vùng gò má trái và hai chân là ở hai giai đoạn khác nhau, thương tích ở phần gò mái trái là do T1, T3, T2 gây nên còn thương tích ở phần hai chân là do C tự ngã nên ngày 07/06/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung có công văn số 377/CV-ĐCSHS đề nghị Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, tách tỷ lệ tổn hại đối với thương tích ở hai chân của anh Trần Văn C trong bản kết luận giám định số 3861/KL-KTHS ngày 29/05/2024 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an. Ngày 20/08/2024, Viện khoa học Hình sự, Bộ công an có công văn số: 2393/C09-TT1, trả lời về việc tách tỷ lệ tổn hại đối với thương tích ở hai chân của anh Trần Văn C như sau: Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với các thương tích ở hai chân của anh Trần Văn C tại thời điểm giám định là: 34% (ba mươi bốn phần trăm).

* Về thu giữ và vật chứng:

Đối với con dao bầu sau khi xảy ra vụ án, bị cáo đã làm mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc vợt muỗi, sau khi T1 sử dụng đánh anh C, chiếc vợt bị hỏng nên gia đình T1 đã vứt đi nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 con dao bằng kim loại màu xám dài 35 cm, loại một lưỡi sắc, đầu bằng, phần lưỡi dao dài 21 cm, phần rộng nhất là 5,2 cm, cán dao bằng kim loại hình trụ tròn được hàn với lưỡi dao, con dao đã qua sử dụng, phần lưỡi dao đã mòn, sống dao có các vết sứt mẻ, gỉ sét và 01 con dao dài 18 cm, cán dao bằng gỗ dài 9cm, lưỡi dao dài 9cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 2 cm, đầu nhọn, đã qua sử dụng không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị A (vợ T1) quản lý, sử dụng.

Đối với 01 dao dài 28 cm, lưỡi dao dài 17 cm, cán dao màu đen dài 11 cm, lưỡi dao rộng 3,5 cm, đã qua sử dụng; 01 viên đá mài, hình hộp chữ nhật, kích thước (20 x5 x 2)cm, đã qua sử dụng; 01 dao dài 38 cm, lưỡi dao dài 25 cm, cán bằng gỗ dài 13 cm, phần rộng nhất lưỡi dao là 7 cm, trên bề mặt lưỡi dao có 02 điểm bị sứt mẻ, đã qua sử dụng; 01 ấm chuyên bằng sứ, màu trắng, đường kính 10 cm, trên thân

ấm có in chữ "ĐẠI LÝ CÁM VÀ THUỐC THÚ Y BẢO TƯƠI", phần bắp ấm và vòi ấm đã bị sứt mẻ, đã qua sử dụng; 01 điếu cày, bằng nứa màu nâu, hình trụ tròn, dài 59 cm, đường kính phần miệng hút 4,3 cm, đã qua sử dụng, phần đầu và phần thân điếu được quấn băng dính màu đen và 01 chiếu nhựa màu đỏ trắng vàng xanh, kích thước (1,95 x 1,58) m, chiếu cũ đã qua sử dụng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá để xử lý.

* Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Văn C số tiền 130.000.000đ, anh C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số: 70/CT-VKSHT ngày 25/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự; truy tố Trần Văn C về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Văn Q về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Trần Văn C đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai báo trong quá trình điều tra.

Bị hại Trần Văn C không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 phải bồi thường gì thêm, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng Nguyễn Thị A khai báo về các tình tiết, nội dung vụ án như đã khai báo trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Trần Văn C, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 phạm tội "Cướp tài sản"; bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo Trần Văn C phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 42 đến 48 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T3 mức án từ 27 đến 30 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q mức án từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về dân sự: Các bị cáo, bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong. Các bên không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Trần Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa; các bị cáo, bị hại không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, b và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 22/2/2024 tại nhà Nguyễn Văn T1 ở thôn Hòa Thuận, xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, Trần Văn C cùng với Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn Q, Trần Tiến D, Tống Văn Q và Tống Văn N đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng, thắng thua bằng tiền Việt Nam với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 1.355.000 đồng, trong lúc đánh bạc, do nghi ngờ C đánh bài gian lận nên T1 dùng tay, chân, vợt muỗi đánh vào người, vào đầu C, đồng thời yêu cầu C bỏ tiền ra, lúc này T2 và T3 cũng xông vào dùng chân và tay đánh vào mặt và người C gây thương tích 03%. Việc dùng tay, chân, vợt muỗi để đánh C của T1, T3 và T2 đã làm C không thể chống cự được, sau đó đã chiếm đoạt số tiền 9.600.000 đồng trong ví của C. Số tiền này, T1 đã chia cho T3 3.200.000 đồng, T2 3.500.000 đồng, Q 2.000.000

đồng, số tiền còn lại 900.000 đồng T1 cầm. Q biết rõ số tiền 2.000.000 đồng là tiền do T1 vừa lấy của C nhưng Q vẫn nhận số tiền này. Mặc dù, các đối tượng đánh bạc với tổng số tiền dưới 5.000.000 đồng, nhưng C đã có 02 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục vi phạm.

[2.2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 đủ yêu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Phạm Văn Q đủ yêu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Trần Văn C đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi và hậu quả: Hành vi phạm tội "Cướp tài sản" của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 có tính chất rất nghiêm trọng, diễn ra hết sức manh động, táo bạo và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của bị cáo Phạm Văn Q là ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi phạm tội "Đánh bạc" của bị cáo Trần Văn C là ít nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo không những xâm phạm đến các khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[4] Về vai trò của các bị cáo:

Đối với hành vi "Cướp tài sản" của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, các bị cáo thực hiện hành vi bộc phát, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị cáo T1 là người khởi xướng, bị cáo T2 và bị cáo T3 là những người thực hành tích cực.

Đối với hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": bị cáo Phạm Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập.

Đối với hành vi "Đánh bạc", bị cáo Trần Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn Q đều là những người có nhân thân tốt; Nguyễn Văn T3 đã có 01 tiền sự về hành vi "" Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác; Trần Văn C đã có 02 tiền án về tội "Đánh bạc" (là tình tiết định tội của tội phạm đang xét xử); Đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo T1, T2, T3 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo T2 và bị cáo T3 ra đầu thú nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo C có ông nội là người có công với cách mạng, vợ bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chính quyền địa phương đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ sự phân tích, cá thể hóa về vai trò, nhân thân, trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử phân hóa xử lý như sau:

[5.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 là 03 thành viên trong một gia đình (03 bố con) cùng phạm tội "Cướp tài sản"; bị cáo T1 là người khởi xướng, giữ vai trò chính, bị cáo T2 và bị cáo T3 tham gia tích cực. Cần xử lý bị cáo T1 ở mức án cao hơn so với bị cáo T2 và bị cáo T3; bị cáo T3 đã có 01 tiền sự nên việc cách ly bị cáo T1 và bị cáo T3 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo là cần thiết; Giảm nhẹ cho bị cáo T1 một phần hình phạt và xử lý bị cáo T3 ở mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để các bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo T2 là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử lý bị cáo ở mức án khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[5.2] Đối với bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[5.3] Đối với bị cáo Trần Văn C phạm tội "Đánh bạc", bị cáo là người có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội "Đánh bạc", vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử lý bị cáo ở mức án khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo, bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong, các bên không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 dao dài 28 cm; 01 viên đá mài; 01 dao dài 38 cm; 01 ấm chuyên bằng sứ; 01 điếu cày và 01 chiếu nhựa đều là công cụ phạm tội của bị cáo và là những vật không có giá trị cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Trần Văn C đều là những người bị kết án nên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3 phạm tội "Cướp tài sản"; bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo Trần Văn C phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 42 (bốn hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2024.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T2 36 (ba sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2024).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T3 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2024.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2024).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T2, Phạm Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Hà Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 dao dài 28 cm; 01 viên đá mài; 01 dao dài 38 cm; 01 ấm chuyên bằng sứ; 01 điếu cày và 01 chiếu nhựa. Theo biên bản giao,

nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Trần Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND H.Hà Trung;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT CA H.Hà Trung;
- Nhà tạm giữ, CA H.Hà Trung;
- UBND xã Hà Giang, H.Hà Trung;
- CQTHAHS CA H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh